VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý

Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2019; được sửa đổi, bổ sung bởi:

Quyết định số 03/2025/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025.

Quyết định số 31/2025/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 9 năm 2025.

Căn cứ Luật Tổ chức chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh Bộ đội Biên phòng ngày 28 tháng 3 năm 1997;

Căn cứ Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý[1].

---

[1] Quyết định số 03/2025/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 24/2023/QH15;

Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam ngày 11 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Căn cước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền; Nghị định số 34/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền;

Căn cứ Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý".

Quyết định số 31/2025/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia số 06/2003/QH11;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung Luật số 51/2019/QH14 và Luật số 23/2023/QH15;

Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 23/2023/QH15;

Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam số 66/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 176/2025/QH15 của Quốc hội về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 34/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 77/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng;

Căn cứ Nghị định số 112/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 34/2023/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 69/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý".

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định thực hiện thủ tục biên phòng điện tử đối với người, người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh tại cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính trên biên giới đất liền; tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến và rời cửa khẩu cảng; cấp thị thực tại các cửa khẩu quốc tế biên giới đất liền và cửa khẩu cảng do Bộ Quốc phòng quản lý (sau đây viết gọn là thực hiện thủ tục biên phòng điện tử trong cấp thị thực tại cửa khẩu).

2. Thủ tục biên phòng điện tử tại các cảng biển do Bộ Quốc phòng quản lý đối với tàu, thuyền Việt Nam nhập cảnh, xuất cảnh; tàu, thuyền, thuyền viên nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, chuyển cảng thực hiện theo quy định tại Quyết định số 10/2016/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế, đồn Biên phòng cửa khẩu và trạm kiểm soát Biên phòng cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính thuộc Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế, đồn Biên phòng cửa khẩu trên biên giới đất liền (sau đây viết gọn là Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền); Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng, đồn Biên phòng cửa khẩu cảng và trạm Biên phòng cửa khẩu cảng thuộc đồn Biên phòng (sau đây viết gọn là Biên phòng cửa khẩu cảng).

2. Công dân Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh (cá nhân hoặc theo đoàn) tại các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính trên biên giới đất liền; người nước ngoài (cá nhân hoặc theo đoàn) nhập cảnh, xuất cảnh Việt Nam tham quan, du lịch theo chương trình do doanh nghiệp lữ hành quốc tế tại Việt Nam tổ chức (sau đây viết gọn là Đoàn khách du lịch); người nước ngoài được cấp thị thực tại các cửa khẩu quốc tế trên biên giới đất liền và cửa khẩu cảng do Bộ Quốc phòng quản lý (sau đây viết gọn là người nhận thị thực tại cửa khẩu).

3. Công dân Việt Nam, người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh tại các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính trên biên giới đất liền theo đoàn do bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoặc tương đương cử đi nước ngoài hoặc mời vào Việt Nam (sau đây viết gọn là Đoàn khách công vụ).

4. Người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, gồm:

a)[2] Người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện cơ giới nước ngoài nhập, xuất cảnh tham gia giao thông tại Việt Nam theo quy định của Nghị

[2] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 6 của Quyết định số 31/2025/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 9 năm 2025.

định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

b) Người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh hoạt động theo quy định của các Hiệp định về vận tải đường bộ Việt Nam đã ký kết với các nước có chung biên giới và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

5. Tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền là việc người làm thủ tục khai báo thông tin và Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền tiếp nhận, xử lý, trao đổi thông tin và xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử cho người, phương tiện nhập cảnh, xuất cảnh thông qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử hoặc thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa quốc gia và quy định tại Quyết định này khi Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử được hoàn thiện kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng là các thủ tục biên phòng, trong đó người làm thủ tục khai báo và Biên phòng cửa khẩu cảng tiếp nhận, xử lý, trao đổi thông tin và xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng cho thuyền viên, hành khách, tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc thông qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử trong trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia có sự cố.

3. Thủ tục biên phòng điện tử trong cấp thị thực tại cửa khẩu là việc người làm thủ tục thực hiện khai báo thông tin và Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền, Biên phòng cửa khẩu cảng tiếp nhận, xử lý, xác nhận hoàn thành khai báo thông tin trong cấp thị thực cho người nước ngoài tại cửa khẩu biên giới đất liền và cửa khẩu cảng thông qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử hoặc thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa quốc gia và quy định tại Quyết định này khi Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử được hoàn thiện kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia.

4. Người làm thủ tục biên phòng điện tử (sau đây viết gọn là người làm thủ tục)

a) Người làm thủ tục đối với công dân Việt Nam xuất, nhập cảnh là cá nhân công dân Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh hoặc là người do công dân Việt

Nam xuất cảnh, nhập cảnh ủy quyền thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền;

b) Người làm thủ tục đối với Đoàn khách du lịch và người nhận thị thực tại cửa khẩu là người được doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế Việt Nam ủy quyền thực hiện việc khai báo và làm thủ tục biên phòng điện tử biên giới đất liền đối với Đoàn khách du lịch và người nhận thị thực tại cửa khẩu;

c) Người làm thủ tục đối với Đoàn khách công vụ là người được cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 3 Điều 2 Quyết định này ủy quyền thực hiện việc khai báo và làm thủ tục biên phòng điện tử biên giới đất liền đối với Đoàn khách công vụ;

d) Người làm thủ tục đối với người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh là người được doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế Việt Nam hoặc doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế ủy quyền thực hiện việc khai báo và làm thủ tục biên phòng điện tử biên giới đất liền cho người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh;

đ) Người làm thủ tục đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng là chủ tàu hoặc người quản lý tàu, người thuê tàu, người khai thác tàu, thuyền trưởng hoặc người được ủy quyền thực hiện việc khai báo và làm thủ tục biên phòng điện tử cảng biển cho tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng.

5. Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử là điểm truy cập trên môi trường mạng, được xây dựng tích hợp trên cơ sở Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cảng biển quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 10/2016/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển, để thực hiện thủ tục biên phòng điện tử biên giới đất liền và cảng biển; được tích hợp các thông tin, các dịch vụ và ứng dụng (tạo lập các mẫu đơn, tờ khai điện tử, hỗ trợ kết xuất để in mẫu đơn, tờ khai) qua đó người dùng có thể khai thác, sử dụng và cá nhân hóa việc hiển thị thông tin tại địa chỉ http://thutucbienphong.gov.vn.

Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử được kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định của Cơ chế một cửa quốc gia và kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Quốc phòng theo quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện Cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

6. Bản khai điện tử cửa khẩu biên giới đất liền là biểu mẫu tờ khai dưới dạng điện tử mà người làm thủ tục phải khai báo khi thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền.

7. Hồ sơ biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền là tập hợp các bản khai điện tử cửa khẩu biên giới đất liền.

8. Khai báo thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền là việc người làm thủ tục sử dụng mạng Internet thực hiện khai báo các bản khai điện tử và gửi cho Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.

9. Thủ tục biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền theo cách thức thủ công là việc người làm thủ tục và Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền thực hiện thủ tục biên phòng thông qua các bản khai giấy.

10. Xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền là việc Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền tiếp nhận, kiểm tra, xử lý thông tin, gửi Xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền cho người làm thủ tục qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử

1. Đảm bảo sự bình đẳng, công khai, minh bạch, nhanh chóng, an toàn, thuận tiện; tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về giao dịch điện tử, xuất nhập cảnh và phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Người làm thủ tục có thể lựa chọn hình thức thực hiện thủ tục biên phòng điện tử hoặc thực hiện thủ tục biên phòng theo cách thức thủ công.

Chương II
THỰC HIỆN THỦ TỤC BIÊN PHÒNG ĐIỆN TỬ TẠI CỬA KHẨU BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN

Mục 1
QUY ĐỊNH CHUNG VỀ THỰC HIỆN THỦ TỤC BIÊN PHÒNG ĐIỆN TỬ CỬA KHẨU BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN

Điều 5. Thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền

1. Thời gian:

Thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền được thực hiện 24/24 giờ hàng ngày, kể cả ngày nghỉ, ngày lễ.

2. Địa điểm:

a)[3] Người làm thủ tục khai báo hồ sơ biên phòng điện tử và nhận xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền bằng

[3] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 03/2025/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025.

tài khoản định danh điện tử được tạo lập và xác thực theo quy định pháp luật về định danh và xác thực điện tử và quy định tại Quyết định này tại bất kỳ nơi nào có thể truy cập Internet;

b) Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại Nhà kiểm soát liên hợp cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính.

Điều 6. Sử dụng chữ ký số trong thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền

1. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong Bộ đội Biên phòng sử dụng chữ ký số thực hiện theo quy định của pháp luật về cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

2. Người làm thủ tục là người đại diện cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phải sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số khi thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền.

Người làm thủ tục là cá nhân công dân Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh không bắt buộc sử dụng chữ ký số khi thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền.

3. Chữ ký số phải được cấp bởi các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số hợp pháp và được đăng ký với Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử tại địa chỉ http://thutucbienphong.gov.vn hoặc đăng ký trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

4. Sau khi đăng ký chữ ký số, người làm thủ tục thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền trên Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử tại địa chỉ http://thutucbienphong.gov.vn.

Điều 7. Sử dụng tài khoản định danh điện tử đăng nhập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử để thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền[4]

1. Người làm thủ tục sử dụng tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập, đã kết nối, tích hợp trên Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử để đăng nhập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử để thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền theo quy định pháp luật về định danh và xác thực điện tử và quy định tại Quyết định này.

---

[4] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 03/2025/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025.

2. Quy trình sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử để thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền:

a) Người làm thủ tục truy cập địa chỉ: http://thutucbienphong.gov.vn để đăng nhập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử;

b) Tại giao diện đăng nhập của Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử, người làm thủ tục chọn loại tài khoản là cá nhân (đối với người làm thủ tục cho cơ quan, tổ chức chọn loại tài khoản là cơ quan, tổ chức), sau đó chọn đăng nhập tài khoản định danh điện tử cấp bởi Bộ Công an dành cho công dân Việt Nam (đối với người làm thủ tục cho cơ quan, tổ chức chọn đăng nhập tài khoản định danh điện tử cấp bởi Bộ Công an dành cho cơ quan, tổ chức); hệ thống tự động chuyển hướng sang hệ thống định danh và xác thực điện tử;

c) Tại giao diện hệ thống định danh và xác thực điện tử, người làm thủ tục tiến hành đăng nhập bằng tài khoản định danh điện tử của cá nhân được cấp bởi Bộ Công an (đối với người làm thủ tục cho cơ quan, tổ chức đăng nhập bằng tài khoản định danh điện tử của cơ quan, tổ chức được cấp bởi Bộ Công an);

d) Sau khi đăng nhập thành công, hệ thống tự động chuyển hướng sang giao diện của Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử để người làm thủ tục tiến hành khai báo thủ tục biên phòng điện tử.

Điều 8. Tạm dừng sử dụng tài khoản định danh điện tử đăng nhập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử để thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền[5]

Trong trường hợp phát hiện nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh, an toàn dữ liệu thủ tục biên phòng điện tử, Đồn trưởng Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền có quyền tạm dừng sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử và thông báo cho người làm thủ tục, nêu rõ lý do không tiếp nhận dữ liệu điện tử.

Mục 2
THỰC HIỆN THỦ TỤC BIÊN PHÒNG ĐIỆN TỬ CỬA KHẨU BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA QUỐC GIA VÀ QUA CỔNG THÔNG TIN THỦ TỤC BIÊN PHÒNG ĐIỆN TỬ

Điều 9. Thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền theo Cơ chế một cửa quốc gia

1. Khi Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử được hoàn thiện kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia, Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền và

[5] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 03/2025/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025.

người làm thủ tục thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định về thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia và quy định tại Quyết định này.

2. Trong thời gian Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử chưa hoàn thiện kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia để thực hiện thủ tục biên phòng điện tử hoặc trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia có sự cố, Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền và người làm thủ tục thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử theo quy định tại Quyết định này.

Điều 10. Thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử

1. Thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền đối với Đoàn khách du lịch, Đoàn khách công vụ xuất cảnh, nhập cảnh

a) Chậm nhất 06 giờ trước khi Đoàn khách du lịch, Đoàn khách công vụ dự kiến đến cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính, người làm thủ tục phải khai báo Bản khai đối với Đoàn khách du lịch, Đoàn khách công vụ theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và gửi cho Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử;

Thời gian bắt đầu thực hiện thủ tục biên phòng điện tử được xác định từ thời điểm Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền tiếp nhận Bản khai Đoàn khách du lịch, Đoàn khách công vụ qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.

b) Chậm nhất 03 giờ kể từ khi tiếp nhận Bản khai Đoàn khách du lịch, Đoàn khách công vụ, Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền phải gửi Xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử đối với Đoàn khách du lịch, Đoàn khách công vụ theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này cho người làm thủ tục qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử;

Thời điểm xác định hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử là thời điểm người làm thủ tục nhận được Xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử đối với Đoàn khách du lịch, Đoàn khách công vụ qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.

c) Khi Đoàn khách du lịch, Đoàn khách công vụ đến cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính để xuất cảnh, nhập cảnh, người làm thủ tục xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế của khách cho Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền để thực hiện kiểm tra, kiểm soát, kiểm chứng xuất cảnh, nhập cảnh Việt Nam vào hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế của khách theo quy định.

2. Thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền đối với người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh

a) Chậm nhất 06 giờ trước khi phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh dự kiến đến cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính, người làm thủ tục phải khai báo Bản khai đối với người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh thực hiện theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và gửi cho Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử;

Thời gian bắt đầu thực hiện thủ tục biên phòng điện tử được xác định từ thời điểm Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền tiếp nhận Bản khai đối với người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.

b) Chậm nhất 03 giờ kể từ khi tiếp nhận Bản khai đối với người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền phải gửi Xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử đối với người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này cho người làm thủ tục qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử;

Thời điểm xác định hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử là thời điểm người làm thủ tục nhận được Xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử đối với người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.

c) Khi người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện đến cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính để nhập cảnh, xuất cảnh, người làm thủ tục xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế của người điều khiển, người đi trên phương tiện và các giấy tờ của phương tiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền cho Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền để thực hiện kiểm tra, kiểm soát và kiểm chứng xuất cảnh, nhập cảnh Việt Nam vào hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế của người điều khiển, người đi trên phương tiện theo quy định.

3. Thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền đối với công dân Việt Nam xuất, nhập cảnh

a) Chậm nhất 03 giờ trước khi công dân Việt Nam xuất, nhập cảnh dự kiến đến cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính, người làm thủ tục phải khai báo Bản khai đối với công dân Việt Nam xuất, nhập cảnh theo Mẫu số 01 quy định tại

Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và gửi cho Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử;

Thời gian bắt đầu thực hiện thủ tục biên phòng điện tử được xác định từ thời điểm Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền tiếp nhận Bản khai đối với công dân Việt Nam xuất, nhập cảnh qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.

b) Chậm nhất 01 giờ kể từ khi tiếp nhận Bản khai đối với công dân Việt Nam xuất, nhập cảnh, Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền phải gửi Xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử đối với công dân Việt Nam xuất, nhập cảnh thực hiện theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này cho người làm thủ tục qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử;

Thời điểm xác định hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử là thời điểm người làm thủ tục nhận được Xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử đối với công dân Việt Nam xuất, nhập cảnh qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.

c) Khi công dân Việt Nam xuất, nhập cảnh đến cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính để xuất cảnh, nhập cảnh phải xuất trình hộ chiếu hoặc giấy thông hành xuất nhập cảnh, giấy thông hành xuất nhập cảnh vùng biên giới hợp lệ cho Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền để thực hiện kiểm tra, kiểm soát, kiểm chứng xuất cảnh, nhập cảnh Việt Nam theo quy định.

4. Trường hợp Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử có sự cố, Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền phải thông báo cho người làm thủ tục bằng văn bản, điện thoại, thư điện tử hoặc thông báo trên Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử, Cổng thông tin điện tử của Bộ Quốc phòng để người làm thủ tục thực hiện thủ tục biên phòng theo cách thức thủ công.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung hồ sơ biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền

1. Người làm thủ tục được sửa đổi, bổ sung hồ sơ điện tử trong các trường hợp

a) Phát hiện sai sót hoặc cập nhật được thông tin cần khai báo bổ sung trong hồ sơ điện tử sau thời điểm đã nhận được Xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền nhưng phải được sự chấp thuận của Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền;

b) Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung khai báo trong hồ sơ điện tử;

c) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung khai báo trong hồ sơ điện tử của Biên phòng cửa khẩu thực hiện theo Mẫu số 13 và Bản khai sửa đổi, bổ sung hồ

sơ điện tử của người làm thủ tục thực hiện theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Xử lý hồ sơ điện tử sửa đổi, bổ sung

a) Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền chấp nhận nội dung sửa chữa, khai bổ sung hồ sơ điện tử thông qua kiểm tra, xác minh, làm rõ lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung của người làm thủ tục;

b) Hồ sơ điện tử trước và sau khi sửa đổi, bổ sung được lưu lại trong hệ thống xử lý dữ liệu biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền để làm cơ sở cho việc kiểm tra, đối chiếu, xác định tính xác thực trong khai báo hồ sơ điện tử của người làm thủ tục.

3. Thời hạn yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ điện tử; gửi hồ sơ điện tử sửa đổi, bổ sung; xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử đối với hồ sơ điện tử sửa đổi, bổ sung

a) Thời hạn yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ điện tử của Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền

Ngay sau khi phát hiện khai báo thủ tục biên phòng điện tử của người làm thủ tục không đầy đủ, không chính xác, Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền gửi yêu cầu khai báo sửa đổi, bổ sung cho người làm thủ tục qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.

b) Thời hạn gửi hồ sơ điện tử sửa đổi, bổ sung

Trường hợp Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung khai báo trong hồ sơ điện tử: Chậm nhất 01 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung khai báo của Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền, người làm thủ tục phải khai báo Bản khai sửa đổi, bổ sung nội dung khai báo thủ tục biên phòng điện tử và gửi cho Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử;

Trường hợp người làm thủ tục phát hiện sai sót hoặc cập nhật được thông tin cần khai báo bổ sung trong hồ sơ điện tử: Ngay sau khi phát hiện sai sót hoặc cập nhật được thông tin cần khai báo bổ sung trong hồ sơ điện tử, người làm thủ tục phải khai báo Bản khai sửa đổi, bổ sung nội dung khai báo thủ tục biên phòng điện tử và gửi cho Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.

c) Thời hạn xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử đối với hồ sơ điện tử sửa đổi, bổ sung

Chậm nhất 01 giờ kể từ khi tiếp nhận Bản khai sửa đổi, bổ sung của người làm thủ tục, Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền phải gửi Xác nhận

hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử đối với hồ sơ điện tử sửa đổi, bổ sung thực hiện theo Mẫu số 15 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này cho người làm thủ tục qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.

Chương III
THỰC HIỆN THỦ TỤC BIÊN PHÒNG ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI TÀU BIỂN VIỆT NAM HOẠT ĐỘNG TUYẾN NỘI ĐỊA ĐẾN, RỜI CỬA KHẨU CẢNG

Điều 12. Thực hiện thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng qua Cổng thông tin một cửa quốc gia

1. Thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định về thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia và quy định tại Quyết định này.

2.[6] Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia có sự cố, thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng được thực hiện qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử theo quy định tại Quyết định này.

Việc sử dụng chữ ký số trong thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cho tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

3. Biên phòng cửa khẩu cảng từ chối thực hiện thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng theo quy định của Quyết định số 10/2016/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển và quy định của Bộ Quốc phòng về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

Điều 13. Thực hiện thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử

1. Chậm nhất 04 giờ trước khi tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa dự kiến đến cửa khẩu cảng, chậm nhất 02 giờ trước khi tàu biển Việt Nam rời cửa khẩu cảng, người làm thủ tục phải khai báo các bản khai điện tử theo mẫu biểu quy định trên Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử, bao gồm:

---

[6] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Quyết định số 03/2025/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025.

a) Bản khai chung;

b) Danh sách thuyền viên;

c) Danh sách hành khách (nếu có).

2. Chậm nhất 01 giờ kể từ khi tiếp nhận đầy đủ các bản khai điện tử hợp lệ, Biên phòng cửa khẩu cảng phải xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử cho tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng

Thời gian bắt đầu thực hiện thủ tục biên phòng điện tử được xác định từ thời điểm Biên phòng cửa khẩu cảng tiếp nhận đầy đủ các bản khai điện tử qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử;

Thời điểm xác định hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử là thời điểm người làm thủ tục nhận được xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.

3. Các loại giấy tờ người làm thủ tục phải xuất trình, địa điểm, thời hạn xuất trình các loại giấy tờ cho Biên phòng cửa khẩu cảng sau khi hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng

a)[7] Các loại giấy tờ phải xuất trình:

Hộ chiếu của thuyền viên; hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế hoặc Thẻ căn cước hoặc Thẻ Căn cước công dân của hành khách (nếu có);

Các loại giấy tờ khi có yêu cầu của Biên phòng cửa khẩu cảng: Sổ nhật ký hành trình; giấy tờ liên quan đến hàng hóa (nếu có hàng hóa trên tàu), bao gồm: Hợp đồng vận chuyển hàng hóa; hợp đồng mua bán hàng hóa và hóa đơn giá trị gia tăng hoặc phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ; giấy phép vận chuyển của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đối với các loại hàng hóa vận chuyển có điều kiện.

b) Địa điểm xuất trình các loại giấy tờ:

Tại trụ sở Biên phòng cửa khẩu cảng hoặc trụ sở Cảng vụ hàng hải hoặc Văn phòng đại diện của Cảng vụ hàng hải.

c) Thời hạn xuất trình các loại giấy tờ:

Đối với tàu biển Việt Nam đến cửa khẩu cảng: Chậm nhất 02 giờ sau khi tàu neo đậu tại cầu cảng, chậm nhất 04 giờ sau khi tàu neo đậu tại các vị trí khác trong vùng nước cảng;

Đối với tàu biển Việt Nam rời cửa khẩu cảng: Chậm nhất ngay trước khi tàu rời cửa khẩu cảng.

---

[7] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 7 của Quyết định số 31/2025/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2025.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung hồ sơ điện tử biên phòng đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa đến, rời cửa khẩu cảng

1. Người làm thủ tục được sửa đổi, bổ sung hồ sơ điện tử trong các trường hợp:

a) Phát hiện sai sót hoặc cập nhật được thông tin cần khai báo bổ sung trong hồ sơ điện tử sau thời điểm đã nhận được xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử nhưng phải được sự chấp thuận của Biên phòng cửa khẩu cảng;

b) Theo yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung khai báo trong hồ sơ điện tử của Biên phòng cửa khẩu cảng;

c) Bản khai sửa đổi, bổ sung hồ sơ điện tử của người làm thủ tục và yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung khai báo trong hồ sơ điện tử của Biên phòng cửa khẩu cảng thực hiện theo mẫu biểu đã được quy định trên Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.

2. Xử lý hồ sơ sửa đổi, bổ sung

a) Biên phòng cửa khẩu cảng chấp nhận nội dung sửa chữa, khai bổ sung hồ sơ điện tử thông qua kiểm tra, xác minh, làm rõ lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung của người làm thủ tục;

b) Hồ sơ điện tử trước và sau khi sửa đổi, bổ sung được lưu lại trong hệ thống xử lý dữ liệu biên phòng điện tử cảng biển để làm cơ sở cho việc kiểm tra, đối chiếu, xác định tính xác thực trong khai báo hồ sơ điện tử của người làm thủ tục.

3. Thời hạn yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ điện tử; gửi hồ sơ điện tử sửa đổi, bổ sung và xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử đối với hồ sơ điện tử sửa đổi, bổ sung

a) Thời hạn yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ điện tử:

Ngay sau khi phát hiện khai báo thủ tục biên phòng điện tử của người làm thủ tục không đầy đủ, không chính xác, Biên phòng cửa khẩu cảng yêu cầu người làm thủ tục khai báo sửa đổi, bổ sung;

b) Thời hạn gửi hồ sơ điện tử sửa đổi, bổ sung:

Trường hợp Biên phòng cửa khẩu cảng yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung khai báo trong hồ sơ điện tử: Chậm nhất 01 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung khai báo của Biên phòng cửa khẩu cảng, người làm thủ tục phải khai báo Bản khai sửa đổi, bổ sung nội dung khai báo thủ tục biên phòng điện tử và gửi cho Biên phòng cửa khẩu cảng qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử;

Trường hợp người làm thủ tục phát hiện sai sót hoặc cập nhật được thông tin cần khai báo bổ sung trong hồ sơ điện tử: Chậm nhất 02 giờ sau khi tàu neo đậu tại cầu cảng, chậm nhất 04 giờ sau khi tàu neo đậu tại các vị trí khác trong

vùng nước cảng đối với tàu biển Việt Nam đến cửa khẩu cảng; chậm nhất ngay trước tàu rời cửa khẩu cảng đối với tàu biển Việt Nam rời cửa khẩu cảng, người làm thủ tục phải gửi hồ sơ điện tử sửa đổi, bổ sung cho Biên phòng cửa khẩu cảng qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.

c) Thời hạn xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử đối với hồ sơ điện tử sửa đổi, bổ sung:

Chậm nhất 01 giờ kể từ khi tiếp nhận đầy đủ hồ sơ điện tử sửa đổi, bổ sung, Biên phòng cửa khẩu cảng phải xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử đối với hồ sơ điện tử sửa đổi, bổ sung và gửi cho người làm thủ tục qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.

Chương IV
THỰC HIỆN THỦ TỤC BIÊN PHÒNG ĐIỆN TỬ TRONG CẤP THỊ THỰC TẠI CỬA KHẨU

Điều 15. Thủ tục biên phòng điện tử trong cấp thị thực tại cửa khẩu trên Cổng thông tin một cửa quốc gia

1. Khi Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử được hoàn thiện kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia, thủ tục biên phòng điện tử trong cấp thị thực tại cửa khẩu được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định về thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia và quy định tại Quyết định này.

2.[8] Khi Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử chưa hoàn thiện kết nối với Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc Cổng thông tin một cửa quốc gia có sự cố, thủ tục biên phòng điện tử trong cấp thị thực tại cửa khẩu thực hiện qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Việc sử dụng chữ ký số trong thực hiện thủ tục biên phòng điện tử trong cấp thị thực tại cửa khẩu cảng biển thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử cảng biển.

Điều 16. Thực hiện thủ tục biên phòng điện tử trong cấp thị thực tại cửa khẩu qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử

1.[9] Chậm nhất 12 giờ trước khi người nhận thị thực tại cửa khẩu dự kiến đến cửa khẩu quốc tế biên giới đất liền hoặc đến cửa khẩu cảng, người làm thủ tục phải khai báo Bản khai cấp thị thực tại cửa khẩu theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và gửi qua Cổng thông tin thủ tục

---

[8] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Quyết định số 03/2025/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025.

[9] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Quyết định số 31/2025/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 9 năm 2025.

biên phòng điện tử cho Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền (trường hợp đề nghị nhận thị thực tại cửa khẩu quốc tế biên giới đất liền) hoặc gửi cho Biên phòng cửa khẩu cảng (trường hợp đề nghị nhận thị thực tại cửa khẩu cảng).

Chậm nhất 02 giờ trước khi dự kiến rời cửa khẩu cảng nơi tàu neo đậu, người làm thủ tục phải khai báo Bản khai cấp thị thực tại cửa khẩu thực hiện theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và gửi qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử cho Biên phòng cửa khẩu cảng trong trường hợp thuyền viên nước ngoài không thuộc diện được miễn thị thực nhập cảnh Việt Nam có nhu cầu xuất cảnh về nước qua cửa khẩu khác;

Thời gian bắt đầu thực hiện thủ tục biên phòng điện tử trong cấp thị thực tại cửa khẩu được xác định từ thời điểm Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền hoặc Biên phòng cửa khẩu cảng tiếp nhận Bản khai cấp thị thực tại cửa khẩu qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.

2. Chậm nhất 03 giờ kể từ khi tiếp nhận Bản khai cấp thị thực tại cửa khẩu đầy đủ, hợp lệ, Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền và Biên phòng cửa khẩu cảng phải gửi Xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử đối với người nhận thị thực tại cửa khẩu thực hiện theo Mẫu số 17 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này cho người làm thủ tục qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.

Đối với thuyền viên nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, chậm nhất 01 giờ kể từ khi tiếp nhận Bản khai cấp thị thực tại cửa khẩu, Biên phòng cửa khẩu cảng phải gửi Xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử đối với người nhận thị thực tại cửa khẩu thực hiện theo Mẫu số 17 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này cho người làm thủ tục qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử;

Thời điểm xác định hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử trong cấp thị thực tại cửa khẩu là thời điểm người làm thủ tục nhận được Xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử đối với người nhận thị thực tại cửa khẩu qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.

3.[10] Khi người nhận thị thực đến cửa khẩu quốc tế biên giới đất liền hoặc cửa khẩu cảng để nhập cảnh Việt Nam hoặc thuyền viên nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều này rời cửa khẩu cảng, người làm thủ tục xuất trình hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế và nộp phí cấp thị thực theo quy định cho Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền hoặc Biên phòng cửa khẩu cảng;

Ngay sau khi nhận được đầy đủ hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế và phí cấp thị thực, Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền hoặc Biên phòng cửa khẩu cảng thực hiện cấp thị thực theo quy định.

---

[10] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Quyết định số 31/2025/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 9 năm 2025.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung hồ sơ biên phòng điện tử đối với người nhận thị thực tại cửa khẩu

1. Người làm thủ tục được sửa đổi, bổ sung hồ sơ biên phòng điện tử đối với người nhận thị thực tại cửa khẩu trong các trường hợp theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 11 và điểm a, b khoản 1 Điều 14 Quyết định này.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung của Biên phòng cửa khẩu và Bản khai sửa đổi, bổ sung hồ sơ điện tử của người làm thủ tục thực hiện theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 11 Quyết định này.

2. Xử lý hồ sơ sửa đổi, bổ sung thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 và khoản 2 Điều 14 Quyết định này.

3. Thời hạn yêu cầu sửa đổi, bổ sung; gửi hồ sơ điện tử sửa đổi, bổ sung và xác nhận hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử đối với hồ sơ điện tử sửa đổi, bổ sung

a) Thời hạn yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ điện tử của Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền và Biên phòng cửa khẩu cảng:

Ngay sau khi phát hiện khai báo thủ tục biên phòng điện tử của người làm thủ tục không đầy đủ, không chính xác, Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền hoặc Biên phòng cửa khẩu cảng gửi yêu cầu khai báo sửa đổi, bổ sung cho người làm thủ tục qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.

b) Thời hạn gửi hồ sơ điện tử sửa đổi, bổ sung:

Trường hợp Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền hoặc Biên phòng cửa khẩu cảng yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung khai báo trong hồ sơ điện tử: Chậm nhất 01 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung khai báo của Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền hoặc Biên phòng cửa khẩu cảng, người làm thủ tục phải khai báo Bản khai sửa đổi, bổ sung đối với người nhận thị thực tại cửa khẩu và gửi cho Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền hoặc Biên phòng cửa khẩu cảng qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử;

Trường hợp người làm thủ tục phát hiện sai sót hoặc cập nhật được thông tin cần khai báo bổ sung trong hồ sơ điện tử: Ngay sau khi phát hiện sai sót hoặc cập nhật được thông tin cần khai báo bổ sung trong hồ sơ điện tử, người làm thủ tục phải khai báo Bản khai sửa đổi, bổ sung đối với người nhận thị thực tại cửa khẩu và gửi cho Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền hoặc Biên phòng cửa khẩu cảng qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.

c) Thời hạn xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử đối với hồ sơ điện tử sửa đổi, bổ sung:

Chậm nhất 01 giờ kể từ khi tiếp nhận Bản khai sửa đổi, bổ sung đối với người nhận thị thực tại cửa khẩu, Biên phòng cửa khẩu biên giới đất liền hoặc Biên phòng cửa khẩu cảng phải gửi Xác nhận hoàn thành khai báo thủ tục biên phòng điện tử đối với hồ sơ điện tử sửa đổi, bổ sung thực hiện theo Mẫu số 15 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này cho người làm thủ tục qua Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Cơ quan Thường trực Ủy ban chỉ đạo quốc gia về Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa Asean và tạo thuận lợi thương mại trong triển khai thực hiện thủ tục biên phòng điện tử và tích hợp, kết nối thông suốt với Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định.

2.[11] Phối hợp với Văn phòng Chính phủ tổ chức kết nối Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử với Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Chủ trì xây dựng phương án và tổ chức đảm bảo an toàn thông tin cho Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử; tổ chức tuyên truyền, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân liên quan tham gia thực hiện thủ tục biên phòng điện tử; phối hợp với các bộ, ngành liên quan kiểm tra, xử lý các vướng mắc phát sinh.

4. Đảm bảo kinh phí và các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho việc triển khai thực hiện thủ tục biên phòng điện tử.

5. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện Quyết định này.

6. Sơ kết, tổng kết, đánh giá, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý.

7. Chỉ đạo Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp đầy đủ chữ ký số chuyên dùng cho Bộ đội Biên phòng để giải quyết thủ tục hành chính; xây dựng giải pháp xác thực chữ ký số của cá nhân, tổ chức đăng ký thực hiện thủ tục biên phòng điện tử.

8. Chỉ đạo Bộ đội Biên phòng

a) Xây dựng, triển khai dự án thực hiện thủ tục biên phòng điện tử đối với hệ thống cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý; xây dựng lộ trình nâng cấp, hoàn thiện hệ thống xử lý dữ liệu điện tử biên phòng, áp dụng chữ ký số, loại bỏ các loại giấy tờ phải nộp trong thực hiện thủ tục biên phòng điện tử; tổ chức đào tạo, tập huấn, bố trí cán bộ có đủ trình độ, năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu thực hiện thủ tục biên phòng điện tử;

---

[11] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Quyết định số 31/2025/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 9 năm 2025.

Trong thời gian xây dựng, triển khai dự án thực hiện thủ tục biên phòng điện tử đối với hệ thống cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý chưa được lắp đặt trang thiết bị, đường truyền để triển khai thủ tục biên phòng điện tử, người làm thủ tục và Biên phòng cửa khẩu thực hiện thủ tục biên phòng theo cách thức thủ công;

b)[12] Thẩm định, kiểm tra cho phép tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện thủ tục biên phòng điện tử; hướng dẫn cài đặt, khai báo thông tin cho người làm thủ tục tham gia thực hiện thủ tục biên phòng điện tử;

c) Cung cấp, chia sẻ thông tin liên quan đến người, phương tiện nhập cảnh, xuất cảnh tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý đến các cơ quan chức năng có liên quan; đồng thời tiếp nhận những thông tin chia sẻ của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu về người, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

d) Bảo mật thông tin; xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo; hướng dẫn thực hiện các vấn đề phát sinh trong quá trình hoàn thiện kết nối Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử với Cổng thông tin một cửa quốc gia;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu, chính quyền địa phương trong công tác tuyên truyền, thực hiện thủ tục biên phòng điện tử;

e) Xử lý theo quy định của pháp luật các hành vi vi phạm pháp luật của các tổ chức, cá nhân trong thực hiện thủ tục biên phòng điện tử.

g)[13] Chủ động khai thác thông tin, dữ liệu trực tuyến tại các hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương đã được kết nối để giải quyết thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý.

Điều 19. Trách nhiệm của các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[14]

1. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an thống nhất phương án kết nối, chia sẻ dữ liệu để sử dụng tài khoản định danh điện tử đăng nhập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử theo quy định của Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử và quy định của Quyết định này.

---

[12] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Quyết định số 03/2025/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025.

[13] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Quyết định số 31/2025/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 9 năm 2025.

[14] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 10 của Quyết định số 31/2025/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 9 năm 2025.

2. Bộ Tài chính

a) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trực thuộc phối hợp với Bộ đội Biên phòng trong thực hiện thủ tục biên phòng điện tử; phối hợp với Bộ Quốc phòng hướng dẫn các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện thủ tục biên phòng điện tử theo cơ chế một cửa quốc gia;

b) Chỉ đạo triển khai tích hợp tài khoản định danh điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia, kết nối với các hệ thống chuyên ngành để thực hiện các thủ tục điện tử theo Cơ chế một cửa quốc gia;

c) Hằng năm, chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng cân đối bảo đảm ngân sách về đầu tư xây dựng quản lý, vận hành Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử trong kế hoạch đầu tư công trung hạn để bảo đảm triển khai thực hiện Quyết định này.

3. Các bộ, ngành có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp với Bộ Quốc phòng trong thực hiện thủ tục biên phòng điện tử và triển khai, thực hiện sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử theo quy định của Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo tuyên truyền, hướng dẫn các sở, ban, ngành chức năng, Ủy ban nhân dân cấp xã và nhân dân địa phương nơi thực hiện thủ tục biên phòng điện tử phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Biên phòng cửa khẩu triển khai thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại địa phương.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[15]

Điều 20. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2019.

---

[15] Điều 3 của Quyết định số 03/2025/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2019/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định như sau:

*"**Điều 3. Điều khoản thi hành***

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2025.

2. Thời hạn sử dụng tài khoản được tạo lập bởi Cổng thông tin thủ tục biên phòng điện tử thực hiện theo quy định của Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử."

Điều 12 của Quyết định số 31/2025/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại các cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 9 năm 2025, quy định như sau:

"***Điều 12. Điều khoản thi hành***

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành."

Điều 21. Các giai đoạn triển khai thực hiện thủ tục biên phòng điện tử tại cửa khẩu biên giới đất liền

1. Giai đoạn 1

a) Thời gian thực hiện: Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết năm 2019;

b) Địa điểm thực hiện: Tại các cửa khẩu quốc tế: Móng Cái tỉnh Quảng Ninh, Hữu Nghị tỉnh Lạng Sơn, Cầu Treo tỉnh Hà Tĩnh, Cha Lo tỉnh Quảng Bình, Mộc Bài tỉnh Tây Ninh;

c) Sau khi kết thúc giai đoạn 1, Bộ Quốc phòng chủ trì tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm để triển khai thực hiện giai đoạn 2.

2. Giai đoạn 2

Từ năm 2020 và các năm tiếp theo, thực hiện tại tất cả các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính trên biên giới đất liền.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ QUỐC PHÒNG

Số: 66/VBHN-BQP

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2025

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đại tướng Nguyễn Tân Cương